

Số: 30/KL-TTr

An Giang, ngày 28 tháng 6 năm 2021

KẾT LUẬN THANH TRA
Về việc chấp hành pháp luật quản lý động vật hoang dã năm 2021

Thực hiện Quyết định số 19/QĐ-TTr ngày 12/4/2021 của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT An Giang về việc thanh tra diện rộng việc chấp hành pháp luật quản lý động vật hoang dã (ĐVHD) năm 2021;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 24/6/2021 của Trưởng đoàn thanh tra;

Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT An Giang kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

An Giang là một tỉnh trọng điểm sản xuất nông nghiệp thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên 353.676 ha, trong đó có 279.996 ha đất sản xuất nông nghiệp; với điều kiện tự nhiên thuận lợi và nguồn thức ăn là các sản phẩm nông nghiệp dồi dào nên việc nuôi các loài ĐVHD như: cá sấu nước ngọt, trăn đất, các loài rùa, rắn, nhím, ... là một trong những biện pháp nhằm mang lại hiệu quả kinh tế được người dân lựa chọn đầu tư gây nuôi để tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân, cải thiện kinh tế hộ gia đình.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh An Giang có 133 cơ sở gây nuôi ĐVHD (đã được cấp giấy chứng nhận gây nuôi trước khi Nghị định 06/2019/NĐ-CP có hiệu lực) gồm 19 loài động vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm (ĐVHD NC, QH); 16 loài động vật rừng thông thường với số lượng 174.128 cá thể. Các loài có số cá thể nhiều nhất là cá sấu nước ngọt: 55 cơ sở (128.948 cá thể); trăn đất: 30 cơ sở (9.812 cá thể); rùa đất lớn: 26 cơ sở (7.870 cá thể); rắn ráo trâu: 09 cơ sở (6.956 cá thể); rùa rặng: 15 cơ sở (2.380 cá thể). Trong đó có 02 cơ sở gây nuôi ĐVHD được cơ quan quản lý CITES Việt Nam cấp giấy chứng nhận cơ sở gây nuôi thuộc CITES, được phép xuất khẩu cá sấu nước ngọt (Trại cá sấu Long Xuyên - TP Long Xuyên và Trại cá sấu Út Tuyền - TP Châu Đốc).

Để thực hiện tốt công tác quản lý gây nuôi ĐVHD, Chi cục Kiểm lâm tỉnh đã tích cực tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký mã số cơ sở nuôi theo quy định. Theo đó, từ tháng 01/2019 đến nay, Chi cục đã cấp mã số cho 11 cơ sở nuôi động vật rừng nguy cấp, quý hiếm. Việc cấp mã số được đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật; ngoài ra, các chủ cơ sở chấp hành khá tốt quy định của pháp luật về nguồn giống hợp pháp, việc đảm bảo điều kiện an toàn

cho người và vật nuôi; các quy định của pháp luật về môi trường và thú y trong việc gây nuôi ĐVHD.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Theo Quyết định số 19/QĐ-TTr ngày 12/4/2021 của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT An Giang về việc thanh tra diện rộng việc chấp hành pháp luật quản lý ĐVHD năm 2021; có 03 tổ chức, 17 cá nhân gây nuôi ĐVHD là đối tượng thanh tra, cụ thể như sau:

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ
01	Công ty CP du lịch An Giang (Khu du lịch Đồi Túc Dụp)	Ấp Ninh Hòa, xã An Túc, huyện Tri Tôn
02	Trần Văn Mạnh	Tổ 4, khóm 1, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn
03	Công ty TNHH MTV Trại cá sấu Út Tuyết (Lê Thị Bích Lệ)	Khóm Hòa Bình, phường Vĩnh Mỹ, TP Châu Đốc
04	Trần Thị Ngọc Giàu	Khóm Hòa Bình, phường Vĩnh Mỹ, TP Châu Đốc
05	Công ty TNHH thương mại dịch vụ Navifeed (Trại cá sấu Long Xuyên)	44/1A Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thạnh, TP Long Xuyên
06	Lê Tấn Đạt	Ấp Tân Đông, thị trấn Óc Eo, huyện Thoại Sơn
07	Nguyễn Văn Thế	Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú
08	Lê Thị Bé Ngọc	Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú
09	Phan Hồng Dũ	Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú
10	Nguyễn Thị Giàu	Ấp An Hoà, xã Khánh An, huyện An Phú
11	Nguyễn Thị Thàng	Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú
12	Võ Văn Lượm	Ấp Khánh Hoà, xã Khánh An, huyện An Phú
13	Trần Văn Cửa	Ấp Thạnh phú, xã Khánh An, huyện An Phú
14	Nguyễn Văn Giang	Khóm Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú
15	Nguyễn Văn Minh II	Ấp Bình Di, xã Khánh Bình, huyện An Phú
16	Phạm Văn Ngọt	Ấp Sa Tô, xã Khánh Bình, huyện An Phú
17	Trần Văn Nam	Ấp Quốc Khánh, xã Quốc Thái, huyện An Phú
18	Nguyễn Văn Bản	Ấp An Thịnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú
19	Thiệu Văn Đoàn	Ấp Vĩnh Phú, xã Vĩnh Hội Đông, huyện An Phú
20	Phan Khanh Em	Ấp Hà Bao I, xã Đa Phước, huyện An Phú

Trong thời kỳ thanh tra, cơ sở ông Nguyễn Văn Giang địa chỉ: khóm Tân Khánh, thị trấn Long Bình, huyện An Phú xin ngưng hoạt động, nên đối tượng thanh

tra còn lại 19 cơ sở. Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra, kiểm tra trực tiếp tại 19 cơ sở, kết quả số liệu loài nuôi với số lượng cá thể nuôi như sau:

- Có 08 cơ sở nuôi 01 loài ĐVHD NC, QH thuộc nhóm I B (cá sấu nước ngọt); 04 cơ sở nuôi loài ĐVHD NC, QH thuộc nhóm I B (cá sấu nước ngọt) và nhóm IIB; 04 cơ sở nuôi loài ĐVHD NC, QH thuộc nhóm II B và 03 cơ sở nuôi loài ĐVHD NC, QH thuộc nhóm II B và ĐVHD thông thường.

- ĐVHD NC, QH thuộc nhóm I B gồm một loài cá sấu nước ngọt, với số lượng 92.520 cá thể.

- ĐVHD NC, QH thuộc nhóm IIB gồm 17 loài như: rùa đất sêpôn, rùa cổ sọc, rùa đất lớn, rùa răng, rùa đất pulkin, rùa núi vàng, rùa ba gờ, rùa hộp lưng đen, cua đỉnh, kỳ đà hoa, rắn hổ mang thường, rắn ráo trâu, trăn đất, cây vòi hương, trăn vàng, rắn ráo trâu, rắn hổ hành, với số lượng 15.379 cá thể.

- ĐVHD thông thường gồm 07 loài như: rắn ri voi, rắn ri cá, rắn sọc dưa, rắn ráo thường, lele, công, chim trĩ với số lượng 5.625 cá thể.

1. Hồ sơ pháp lý gây nuôi động vật hoang dã

1.1 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Có 03 doanh nghiệp được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, 11 cơ sở được Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện cấp giấy chứng nhận hộ đăng ký kinh doanh.

- Còn 05 cơ sở: Nguyễn Văn Minh, Trần Văn Cửa, Lê Thị Bé Ngọc, Nguyễn Thị Thành và cơ sở Phan Hồng Dũ chưa thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 79 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp.

Theo ghi nhận của Đoàn Thanh tra, các hộ này khai báo do việc gây nuôi ĐVHD nhỏ lẻ, có tính chất mùa vụ; hơn nữa, do tác động của dịch bệnh Covid-19, các cơ sở không thể phát triển số lượng đàn vật nuôi nên chưa đăng ký hộ kinh doanh. Hiện tại, họ đang gặp nhiều khó khăn về kinh tế do xuất bán ĐVHD không được hoặc bán với giá rẻ (vấn đề khó khăn được UBND xã xác nhận) nên đề nghị Đoàn Thanh tra xem xét và cam kết thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh trong thời gian tới theo đúng quy định pháp luật.

1.2. Mã số cơ sở nuôi động vật hoang dã

Theo quy định tại Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam có trách nhiệm cấp mã số cơ sở nuôi các loài thuộc Phụ lục I CITES; Chi cục Kiểm lâm có trách nhiệm cấp mã số cơ sở nuôi các loài thuộc Phụ lục II, III CITES (không thuộc loài thủy sản).

- Tại thời điểm thanh tra, có 02 cơ sở (Trại cá sấu Út Tuyết - TP Châu Đốc, Trại cá sấu Long Xuyên - TP Long Xuyên) nuôi ĐVHD NC, QH nhóm IB (cá sấu



nước ngọt) được cơ quan quản lý CITES Việt Nam cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi CITES; 07 cơ sở nuôi ĐVHD NC, QH nhóm IIB được chứng nhận cấp mã số nuôi của Chi cục Kiểm lâm trong năm 2020.

- Có 04 hộ nuôi ĐVHD để kinh doanh không thuộc đối tượng nuôi sinh trưởng, sinh sản theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP nên không phải đăng ký mã số cơ sở nuôi.

- Còn lại 06 cơ sở Trần Thị Ngọc Giàu, Nguyễn Văn Minh, Võ Văn Lượm, Nguyễn Văn Bản, Lê Thị Bé Ngọc, Phan Hồng Dũ nuôi ĐVHD NC, QH nhóm IB (cá sấu nước ngọt) chưa thực hiện đăng ký Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để cấp mã số cơ sở nuôi.

Về các trường hợp này, theo ghi nhận của Đoàn Thanh tra từ các cơ sở, trước đây những hộ nuôi cá sấu nước ngọt đã được Chi cục Kiểm lâm cấp giấy chứng nhận trại nuôi theo Nghị định số 82/2006/NĐ-CP; nhưng khi Nghị định 06/2019/NĐ-CP có hiệu lực, những hộ dân gây nuôi các loài thuộc nhóm IB (cá sấu nước ngọt) phải xây dựng phương án nuôi và đăng ký với cơ quan quản lý CITES Việt Nam để được cấp mã số nuôi; hiện nay, do việc gây nuôi đang gặp khó khăn về thủ tục đăng ký mã số cơ sở nuôi theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP nên chưa đủ điều kiện đáp ứng các tiêu chí của phương án nuôi để đăng ký cấp mã số gây nuôi.

1.3. Hồ sơ môi trường

Hiện tại có 03 doanh nghiệp lập Đề án bảo vệ môi trường, 12 cơ sở lập Đề án bảo vệ môi trường đơn giản và 2 cơ sở lập Kế hoạch bảo vệ môi trường được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Còn lại 02 cơ sở: Trần Thị Ngọc Giàu và Lê Tấn Đạt chưa thực hiện thủ tục môi trường theo quy định. Đoàn ghi nhận lý do như sau: (1) Cơ sở Trần Thị Ngọc Giàu tách từ doanh nghiệp trại cá sấu út Tuyết, khu vực nuôi nằm trong khuôn viên Trại cá sấu Út Tuyết nên sử dụng hệ thống chuồng trại, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải... của Trại cá sấu Út Tuyết; (2) Cơ sở Lê Tấn Đạt, năm 2016 có xin đăng ký thực hiện hồ sơ môi trường với diện tích 42m² nhưng không thuộc đối tượng phải thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015.

2. Hồ sơ gây nuôi động vật hoang dã

2.1. Hồ sơ gây nuôi động vật hoang dã từ 2016 đến ngày 01/01/2019

Trước ngày 01/01/2019, theo quy định tại Điều 20, Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012 quy định hồ sơ lâm sản hợp pháp tại cơ sở gây nuôi động vật rừng gồm: sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản; hoá đơn bán hàng; bảng kê lâm sản và các tài liệu khác liên quan đến lâm sản nhập vào, xuất ra.

Qua kiểm tra một số hồ sơ lưu trữ của các cơ sở từ năm 2016 đến ngày 01/01/2019, cho thấy tất cả (19/19 cơ sở) cung cấp chưa đủ các loại giấy tờ trên do

để thất lạc; chủ lâm sản chưa thực hiện quản lý hồ sơ lâm sản, lưu giữ hồ sơ lâm sản, sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản theo quy định tại Khoản 1, Điều 8, Thông tư số 01/2012/TT-BNNPTNT ngày 04/01/2012.

2.2. Hồ sơ gây nuôi động vật hoang dã từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm thanh tra

Theo quy định tại Điểm a,b; Khoản 2; Điều 31, Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018, hồ sơ lâm sản tại cơ sở gây nuôi các loài động vật rừng gồm: (1) Sổ theo dõi hoạt động nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và ĐVHD nguy cấp thuộc các Phụ lục CITES; nuôi động vật rừng thông thường và (2) Bảng kê lâm sản và các tài liệu khác liên quan đến hồ sơ nguồn gốc hợp pháp của động vật rừng có tại cơ sở nuôi theo quy định. Qua kiểm tra một số hồ sơ lưu trữ của các cơ sở từ ngày 01/01/2019 đến thời điểm thanh tra, cho thấy:

- Tất cả (19/19 cơ sở) cung cấp chưa đủ sổ theo dõi hoạt động nuôi, sổ theo dõi sinh sản; các cơ sở chỉ cung cấp cho Đoàn Thanh tra bản sao các loại sổ này từ hồ sơ quản lý của Chi cục Kiểm lâm tỉnh; theo đó, các bản sao hồ sơ này, mỗi loài có 01 sổ theo dõi riêng; số liệu tại sổ có ghi khi có sự thay đổi và chốt định kỳ vào ngày cuối cùng của tháng; Chi cục Kiểm lâm ký xác nhận khi kiểm tra các cơ sở nuôi ĐVHD.

- Đối với hồ sơ động vật rừng của 04 hộ nuôi giữ ĐVHD để kinh doanh không thuộc đối tượng nuôi sinh trưởng, sinh sản theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP có bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập và có xác nhận của Chi cục kiểm lâm; một số cơ sở có bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản của chủ lâm sản bán. Tuy nhiên còn một vài trường hợp không cung cấp đầy đủ cho Đoàn Thanh tra bảng kê lâm sản, hồ sơ nguồn gốc lâm sản của chủ lâm sản bán do để thất lạc.

Theo ghi nhận của Đoàn từ các ý kiến của các cơ sở, việc mở sổ theo dõi hoạt động nuôi, sổ theo dõi sinh sản và thực hiện ghi chép để quản lý trong quá trình gây nuôi theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP rất khó; đa số hộ gây nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài ĐVHD trong tỉnh là những cơ sở nhỏ, lẻ, có trình độ học vấn thấp nên rất khó khăn trong việc áp dụng mở sổ và ghi chép theo quy định; Đoàn Thanh tra ghi nhận và hướng dẫn các cơ sở trong thời gian tới phải mở sổ theo dõi hoạt động nuôi và các sổ sách liên quan; đồng thời phải có trách nhiệm quản lý, lưu giữ sổ, bảng kê lâm sản và các tài liệu khác liên quan đến hồ sơ nguồn gốc hợp pháp của động vật rừng có tại cơ sở nuôi theo quy định pháp luật.

3. Việc chấp hành pháp luật về việc nuôi ĐVHD NC,QH vì mục đích thương mại

3.1 Chấp hành quy định của pháp luật về phương án nuôi

Theo quy định tại Điểm d, Khoản 1, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, ngày 22/01/2019 của Chính phủ, điều kiện nuôi các loài ĐVHD nguy cấp thuộc Phụ lục



CITES vì mục đích thương mại phải có phương án nuôi, tuy nhiên, tại thời điểm thanh tra, tất cả (19/19 cơ sở) chưa xây dựng phương án nuôi.

Mặc dù chưa xây dựng phương án nuôi, nhưng qua kiểm tra thực tế cho thấy một số cơ sở đáp ứng một phần điều kiện phương án nuôi theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP như: về tài liệu chứng minh các con giống có nguồn gốc hợp pháp theo quy định; các biện pháp xử lý rủi ro đối với an toàn của con người và vật nuôi; khả năng phòng chống dịch bệnh; khả năng đối phó khi động vật thoát khỏi chuồng/cơ sở nuôi và điều kiện thú y, vệ sinh môi trường.

Về vấn đề này, Đoàn thanh tra yêu cầu các cơ sở nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng ĐVHD NC, QH tiến hành xây dựng phương án nuôi; trước mắt các cơ sở tiếp tục bổ sung, hoàn thiện đầy đủ các yêu cầu theo phương án nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IB, ĐVHD nguy cấp thuộc phụ lục I CITES; phương án nuôi động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIB, ĐVHD nguy cấp thuộc phụ lục II, III CITES ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ.

3.2. Chấp hành các quy định của pháp luật về nguồn giống hợp pháp

Nhìn chung, các cơ sở chấp hành tốt các quy định của pháp luật về nguồn giống hợp pháp; qua kiểm tra hồ sơ pháp lý và các giấy tờ liên quan khác để đánh giá về việc chấp hành các quy định của pháp luật về nguồn giống hợp pháp, cho thấy:

- Trước đây, có 02 cơ sở nuôi cá sấu nước ngọt được cơ quan quản lý CITES Việt Nam cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi CITES; các cơ sở nuôi cá sấu còn lại và cơ sở nuôi ĐVHD NC, QH nhóm IIB đã được Chi cục Kiểm lâm cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi theo Nghị định số 82/2006/NĐ-CP; theo đó, các cơ sở này đã được thẩm định hồ sơ nguồn gốc, số lượng, chủng loại ĐVHD theo quy định để xem xét cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi. Hiện các cơ sở này vẫn tiếp tục nuôi sinh sản từ các cá thể bố mẹ đã được cấp giấy trước đây.

- Trong năm 2020, có 07 cơ sở nuôi ĐVHD NC, QH nhóm IIB đã được Chi cục Kiểm lâm chứng nhận cấp mã số nuôi theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP; theo đó, Chi cục Kiểm lâm cũng đã xác nhận nguồn gốc mẫu vật các cơ sở này mua giống từ hộ gây nuôi trong nước, đã gây nuôi lâu năm.

- Một số cơ sở cung cấp bảng kê lâm sản và các tài liệu khác liên quan chứng minh các con giống có nguồn gốc hợp pháp, tuy nhiên việc cung cấp các loại giấy tờ này chưa đầy đủ do các cơ sở đã hoạt động từ lâu nên giấy tờ hư hỏng, mất... chưa đầy đủ theo quy định hồ sơ lâm sản mua bán, vận chuyển trong nước theo Khoản 1, 2, Điều 24, Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT.

3.3. Việc xây dựng chuồng, trại có phù hợp với đặc tính sinh trưởng của loài được nuôi

Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy thời gian hoạt động gây nuôi ĐVHD của các cơ sở đã từ lâu năm, chủ yếu nuôi một số loài dễ gây nuôi, kỹ thuật gây nuôi do học hỏi kinh nghiệm của các hộ khác đã gây nuôi thành công; ngoài ra, các cơ sở đã được Chi cục Kiểm lâm thẩm định chuồng trại để cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi nên việc xây dựng chuồng, trại cơ bản đáp ứng một số đặc tính sinh học của loài nhằm đảm bảo động vật nuôi được sinh sống trong điều kiện gần giống với điều kiện sống tự nhiên, đảm bảo cho động vật nuôi có khả năng sinh trưởng, phát triển, sinh sản và giảm bị bệnh, bị chết trong điều kiện nuôi nhốt.

Qua kiểm tra thực tế, Đoàn Thanh tra ghi nhận việc xây dựng chuồng, trại phù hợp với đặc tính sinh trưởng của loài được nuôi của một số cơ sở như sau:

- Chuồng nuôi rùa nước ngọt tự nhiên được rào chung quanh để chống rùa thoát ra, có một vùng đất khô và vùng nước đủ rộng để rùa có thể dìm mình hoàn toàn và di chuyển tự do trong nước để lấy thức ăn. Một số nuôi các loài rùa theo hình thức bán hoang dã thì xây hồ nuôi, có phần đất xung quanh để làm khu vận động và bãi đẻ, và hệ thống tường xây bảo vệ chung quanh.

- Việc xây dựng các chuồng trại nuôi cá sấu nước ngọt đảm bảo mật độ tối thiểu cần thiết cho cá; trại nuôi cá sấu được chia các khu: khu chuồng nuôi cá thịt và khu chuồng nuôi cá sấu con; chuồng nuôi cá sấu bố mẹ phù hợp để cá làm ổ và đẻ trứng.

- Chuồng nuôi các loại rắn thường gồm hệ thống chuồng xây gồm nhiều tầng với những chuồng cao 25 - 30cm, rộng 30 - 45cm (tuỳ loại rắn), dài 50 - 60cm; các chuồng được ngăn với nhau bằng lớp gạch trát xi măng hoặc gỗ. Chuồng được để trong nhà, có hệ thống cửa sổ, quạt thông gió, rèm che sáng, đảm bảo nhiệt độ, chế độ ánh sáng thích hợp.

Tuy nhiên theo ghi nhận, có rất nhiều yếu tố mà chuồng, trại nuôi phải đáp ứng, trong đó các yếu tố sinh thái quan trọng cần chú ý gồm: nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, không khí, nơi trú ngụ, chỗ sinh sản và kích thước chuồng, trại phù hợp với vật nuôi. Nơi trú ngụ, sinh sống của loài cũng phải đảm bảo gần gũi với điều kiện tự nhiên của loài. Để làm được việc này đòi hỏi chủ nuôi phải có sự hiểu biết về đặc tính sinh học của loài, đặc biệt là đặc tính sinh học của loài trong điều kiện nuôi nhốt. Vì vậy, Đoàn Thanh tra đã hướng dẫn các cơ sở cần tham khảo cơ quan khoa học, các tài liệu khoa học và đặc biệt là tham khảo kinh nghiệm của các trại đã từng nuôi thành công để điều chỉnh, sửa chữa chuồng, trại phù hợp với đặc tính sinh trưởng của loài được nuôi.

3.4. Việc chấp hành pháp luật về loài nuôi tại cơ sở

Trong thời kỳ thanh tra, có 02 cơ sở nuôi cá sấu nước ngọt được cơ quan quản lý CITES Việt Nam cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi CITES; các cơ sở khác nuôi ĐVHD NC, QH thuộc nhóm II B gồm các loài như: rùa đất sêpôn, rùa cổ sọc, rùa đất lớn, rùa răng, rùa đất pulkin, rùa núi vàng, rùa ba gờ, rùa hộp lưng đen, cua đỉnh, kỳ

đà hoa, rắn hổ mang thường, rắn ráo trâu, trăn đất, cây vòi hương, trăn vàng, rắn ráo trâu, rắn hổ hành, một số cơ sở nuôi thêm ĐVHD thông thường như: rắn ri voi, rắn ri cá, rắn sọc dưa, rắn ráo thường, lele, công, chim trĩ. Việc nuôi các loài này trước đây đã được Chi cục Kiểm lâm cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi theo Nghị định số 82/2006/NĐ-CP; theo đó, các cơ sở đã được thẩm định việc chấp hành pháp luật về loài nuôi tại cơ sở để xem xét cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi CITES hoặc giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi.

Qua cung cấp thông tin của các cơ sở, hiện tại họ nuôi một số loài dễ gây nuôi, kỹ thuật gây nuôi chủ yếu do học hỏi kinh nghiệm của các hộ khác đã gây nuôi lâu năm thành công và bán giống, nhiều loài có khả năng sinh sản liên tiếp qua nhiều thế hệ trong điều kiện nuôi nhốt (cá sấu, trăn, rắn hổ mang, rắn ráo trâu, rùa đất lớn ...).

Ngoài ra, Đoàn chưa phát hiện các cơ sở nuôi các loài ĐVHD mới so với trước đây đã được cấp phép.

3.5. Việc đảm bảo điều kiện an toàn cho người và vật nuôi

Trước đây, các cơ sở được cấp giấy chứng nhận cơ sở nuôi CITES hoặc giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi; theo đó chuồng, trại nuôi đảm bảo về an toàn mới được cấp giấy chứng nhận.

Qua kiểm tra một số cơ sở nuôi cá sấu nước ngọt cho thấy chuồng trại cơ bản đáp ứng điều kiện an toàn cho người và vật nuôi: chuồng trại được thiết kế dạng khép kín, hàng rào bê tông xung quanh cao trên 1,2m, bên trên có rào lưới B40 cao trên 0,8m, có cửa ra vào khóa chốt bên ngoài; giữa các chuồng đều có chắn rào bê tông và lưới B40 cao trên 2m, mỗi chuồng có cửa và rào chắn và nền chuồng được xây trơn nhẵn. Bên cạnh một số công trình phục vụ cho việc nuôi cá được xây dựng bảo đảm an toàn, các cơ sở còn xây dựng thêm hệ thống hành lang an toàn để đề phòng cá lớn sổng chuồng mà vẫn không thoát ra bên ngoài; xung quang trang trại được xây tường bao bọc cao, cổng ra vào khu trại có khóa bên ngoài được khóa cửa cẩn thận.

Tuy nhiên, chuồng trại một số cơ sở xây dựng từ lâu, chủ trang trại cần phải kiểm tra để duy tu, sửa chữa để bảo đảm tính an toàn; ngoài ra, Chi cục Kiểm lâm phải tiến hành kiểm tra thực tế chuồng trại, đối chiếu với các tài liệu khoa học về đặc tính sinh học của loài nuôi hoặc tham khảo ý kiến của Cơ quan khoa học CITES Việt Nam; trong đó, chú trọng kiểm tra kỹ thuật xây dựng chuồng trại đúng quy chuẩn, nhất là những loài hung dữ có ảnh hưởng, nguy hại đến cộng đồng để hướng dẫn các cơ sở xây dựng chuồng, trại đảm bảo điều kiện an toàn cho người và vật nuôi.

3.6. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường

Qua kiểm tra thực tế, có nhiều cơ sở gây nuôi chấp hành tốt quy định của pháp luật về môi trường. Hiện có 17/19 cơ sở lập Đề án bảo vệ môi trường, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường được các cấp có thẩm quyền

phê duyệt; chủ nuôi đã có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án, kế hoạch đã được xác nhận. Tuy nhiên việc chấp hành các quy định của pháp luật về môi trường của một số cơ sở còn một số hạn chế nhất định, cụ thể:

- Còn có 02 cơ sở: Trần Thị Ngọc Giàu, Lê Tấn Đạt chưa thực hiện thủ tục môi trường theo quy định với những lý do sau: (1) Cơ sở Trần Thị Ngọc Giàu tách từ doanh nghiệp trại cá sấu út Tuyết, khu vực nuôi nằm trong khuôn viên Trại cá sấu Út Tuyết nên sử dụng hệ thống chuồng trại, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải... của Trại cá sấu Út Tuyết; (2) Cơ sở Lê Tấn Đạt, năm 2016 có xin đăng ký thực hiện hồ sơ môi trường với diện tích 42m² nhưng không thuộc đối tượng phải thực hiện hồ sơ môi trường theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của chính phủ (Văn bản phản hồi số 106/TNMT-TH ngày 18/8/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thoại Sơn) nên đến nay chưa thực hiện thủ tục môi trường.

- Tại thời điểm thanh tra, có 07 cơ sở nuôi: Trại cá sấu Út Tuyết, Trần Văn Cửa, Trần Văn Nam, Nguyễn Văn Bản, Phan Khanh Em, Nguyễn Văn Thế, Nguyễn Thị Thành có thay đổi (tăng) so với công suất thiết kế hoặc thay đổi số lượng loài nuôi so với Đề án bảo vệ môi trường nhưng chủ cơ sở chưa báo cáo cho cơ quan nhà nước quản lý về bảo vệ môi trường ở địa phương.

- Một vài cơ sở chưa có đầy đủ hệ thống xử lý chất thải, nước thải, các biện pháp xử lý chất thải, nước thải theo đúng quy định; có gây mùi, chất thải ô nhiễm môi trường xung quanh.

Đoàn Thanh tra đã hướng dẫn các cơ sở chưa làm thủ tục môi trường đăng ký thủ tục môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đúng theo quy định được phê duyệt; khi có nhu cầu thay đổi quy mô trong hoạt động chăn nuôi có ảnh hưởng đến môi trường, chủ cơ sở phải có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan nhà nước quản lý về bảo vệ môi trường ở địa phương để có hướng dẫn kịp thời, đồng thời đầu tư xử lý chất thải cho phù hợp quy mô thay đổi.

3.7. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y

Qua thanh tra nhận thấy chuồng, trại nuôi xây dựng và thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, trong đó có nơi thu gom, xử lý chất thải, nước thải, mùi hôi; tuy nhiên, còn một số hạn chế nhất định trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y. Cụ thể:

- Đa số cơ sở định kỳ chưa thực hiện vệ sinh tiêu độc sát trùng chuồng trại, đảm bảo môi trường chăn nuôi đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y, xử lý chất thải đúng kỹ thuật để phòng ngừa dịch bệnh.

- Chưa trang bị tủ thuốc thú y riêng biệt tại cơ sở theo quy định để phục vụ việc chăm sóc, chữa trị bệnh cho động vật hoang dã.



- Lối ra vào khu vực nuôi chưa được áp dụng các biện pháp vệ sinh, khử trùng tiêu độc cho người và phương tiện vận chuyển đi qua.

4. Việc chấp hành pháp luật về nuôi động vật hoang dã thông thường

Trong 19 cơ sở gây nuôi ĐVHD NC, QH trên có 4 cơ sở nuôi thêm ĐVHD thông thường như: rắn ri voi, rắn ri cá, rắn sọc dưa, rắn ráo thường, lele, chim trĩ với số lượng 5.625 cá thể. Việc chấp hành pháp luật về việc nuôi ĐVHD thông thường như nguồn gốc ĐVHD đang nuôi; việc ghi chép sổ theo dõi, điều kiện an toàn cho người, vật nuôi, môi trường và thú y tương tự các kết quả kiểm tra, xác minh ở Mục 3. Việc chấp hành pháp luật về việc nuôi ĐVHD NC, QH vì mục đích thương mại.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

1. Những mặt đạt được

- Hồ sơ pháp lý của cơ sở gây nuôi trước đây (trước khi Nghị định 06/2019/NĐ-CP có hiệu lực) tương đối đầy đủ, các cơ sở được cơ quan quản lý CITES Việt Nam cấp giấy chứng nhận nuôi CITES hoặc được Chi cục Kiểm lâm cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi theo Nghị định số 82/2006/NĐ-CP của Chính Phủ.

- Cơ sở gây nuôi ĐVHD chấp hành pháp luật về nguồn giống hợp pháp, loài nuôi tại cơ sở trong quá trình gây nuôi ĐVHD NC, QH; ĐVHD thông thường vì mục đích thương mại.

- Chấp hành tốt quy định của pháp luật về thủ tục môi trường, có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo đề án, kế hoạch đã được xác nhận.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được, cơ sở gây nuôi ĐVHD trên địa bàn tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục, cụ thể:

- Đa số cơ sở nuôi sinh sản, sinh trưởng ĐVHD NC, QH nhóm IB (cá sấu nước ngọt) chưa thực hiện đăng ký Cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam để cấp mã số cơ sở theo quy định Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019.

- Mặc dù Chi cục Kiểm lâm đã cung cấp các loại mẫu sổ theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019, tuy nhiên đến thời điểm thanh tra, đa số cơ sở nuôi ĐVHD NC, QH chưa thực hiện việc ghi chép sổ để quản lý trong quá trình gây nuôi; chưa thực hiện tốt việc quản lý hồ sơ lâm sản, lưu giữ hồ sơ lâm sản, sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản và các hồ sơ liên quan theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 và Nghị định 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019.

- Một số cơ sở chưa thực hiện thủ tục môi trường theo quy định, chưa thực hiện tốt việc chăm sóc, thú y, vệ sinh môi trường đối với trại nuôi; không báo cáo cho cơ quan nhà nước quản lý về bảo vệ môi trường khi có thay đổi so với công suất

thiết kế hoặc thay đổi số lượng loài nuôi để có biện pháp xử lý; một vài cơ sở chưa có hệ thống xử lý chất thải, nước thải, các biện pháp xử lý chất thải, nước thải theo đúng quy định; có gây mùi, chất thải ô nhiễm môi trường xung quanh.

- Còn 05 cơ sở: Nguyễn Văn Minh, Trần Văn Cửa, Lê Thị Bé Ngọc, Nguyễn Thị Thành và cơ sở Phan Hồng Dũ chưa thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp.

3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

- Những hộ nuôi cá sấu nước ngọt đã được Chi cục Kiểm lâm cấp giấy chứng nhận trại nuôi theo Nghị định số 82/2006/NĐ-CP, nhưng khi Nghị định 06/2019/NĐ-CP có hiệu lực thay thế Nghị định số 82/2006/NĐ-CP, những hộ dân gây nuôi các loài thuộc nhóm IB (cá sấu nước ngọt) phải xây dựng phương án nuôi và đăng ký với cơ quan quản lý CITES Việt Nam để được cấp mã số nuôi. Hiện nay, do tác động của dịch bệnh Covid-19, các cơ sở không thể phát triển số lượng đàn vật nuôi ĐVHD; thêm vào đó việc đăng ký mã số theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP gặp nhiều khó khăn về thủ tục nên các cơ sở nuôi cá sấu chưa đủ điều kiện xây dựng chuồng trại đáp ứng các tiêu chí của phương án nuôi để đăng ký cấp mã số gây nuôi.

- Việc mở sổ theo dõi hoạt động nuôi, sổ theo dõi sinh sản và thực hiện ghi chép để quản lý trong quá trình gây nuôi theo Nghị định 06/2019/NĐ-CP rất khó; đa số hộ gây nuôi sinh sản, sinh trưởng các loài ĐVHD trong tỉnh là những cơ sở nhỏ, lẻ, có trình độ học vấn thấp nên rất khó khăn trong việc áp dụng mở sổ theo dõi hoạt động nuôi, sổ theo dõi sinh sản cũng như thực hiện ghi chép để quản lý trong quá trình gây nuôi; quản lý, lưu giữ hồ sơ lâm sản.

- Các hộ chưa thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp do việc gây nuôi ĐVHD nhỏ lẻ, có tính chất mùa vụ; hơn nữa hiện nay, do tác động của dịch bệnh Covid-19, các cơ sở không thể phát triển số lượng đàn vật nuôi ĐVHD nên chưa đăng ký hộ kinh doanh.

IV. KIẾN NGHỊ

1. Đối với Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT

- Chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra diện rộng đối với các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y tăng cường kiểm tra các cơ sở nuôi, kinh doanh ĐVHD về tuân thủ vệ sinh thú y, môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm; Phối hợp với Chi cục Kiểm lâm trong việc thẩm định điều kiện vệ sinh thú y và giám sát tình hình dịch bệnh của các cơ sở nuôi ĐVHD trên địa bàn tỉnh; thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm ĐVHD vận chuyển lưu thông trong nước theo quy định.



2. Đối với Chi cục Kiểm lâm

- Phối hợp với các Sở, ngành có liên quan, UBND cấp huyện tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về quản lý, gây nuôi, mua bán, sử dụng ĐVHD được quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm định điều kiện thực tế của cơ sở nuôi ĐVHD để cấp mã số cơ sở nuôi các loài thuộc Phụ lục II, III CITES theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 18, Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ; đồng thời, phối hợp cơ quan thẩm quyền quản lý CITES Việt Nam cấp mã số cơ sở nuôi các loài thuộc Phụ lục I CITES.

- Hướng dẫn các cơ sở nuôi ĐVHD mở sổ theo dõi hoạt động nuôi, sổ theo dõi sinh sản, ghi chép đầy đủ thông tin và quản lý, lưu giữ bản chính các hồ sơ, sổ theo dõi hoạt động nuôi, bảng kê lâm sản và các tài liệu khác liên quan đến hồ sơ nguồn gốc hợp pháp của ĐVHD có tại cơ sở nuôi trong thời hạn 05 năm kể từ khi xuất lâm sản theo quy định.

- Hướng dẫn các cơ sở nuôi ĐVHD chưa có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh hoặc đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 79 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở nuôi ĐVHD, đảm bảo nguồn gốc động vật nuôi hợp pháp, điều kiện an toàn đối với vật nuôi, con người, vệ sinh môi trường ...; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhất là các hành vi vi phạm về nguồn gốc, xuất xứ của động vật hoang dã gây nuôi.

3. Đối với các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây nuôi ĐVHD cần nghiêm túc chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về gây nuôi ĐVHD tại Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT và Nghị định số 06/2019/NĐ-CP của Chính phủ; đồng thời, thực hiện các kết luận, đề xuất của Đoàn Thanh tra đã được nêu tại Biên bản làm việc giữa Đoàn thanh tra và cơ sở nuôi ĐVHD.

4. Đối với Thanh tra viên phụ trách theo dõi Kết luận thanh tra

Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định tại Thông tư số 01/2013/TT-TTCP ngày 12/3/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định về hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra của Chánh Thanh tra Sở Nông nghiệp và PTNT về việc thanh tra diện rộng việc chấp hành pháp luật quản lý động vật hoang dã năm 2021.

Nơi nhận:

- Giám đốc Sở NN và PTNT;
- Thanh tra Bộ NN và PTNT;
- Thanh tra tỉnh;
- Chi cục Kiểm lâm;
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y;
- TC, CN gây nuôi ĐVHD;
- Lưu: VT, TTr, ĐTTr.

CHÁNH THANH TRA



Trần Thanh Hiệp



